



SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày.....tháng.....năm 200....



KẾ TOÁN TRƯỞNG

Lê Thị Huyền

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ - TKV

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

đã được kiểm toán

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT
NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO., LTD. (AASCN)**

Trụ sở chính: 29 Hoàng Sa, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tel: (84 8) 910 3908 - 910 4881 / Fax: (84 8) 910 4880
CN phía Bắc: 706 A5, Làng quốc tế Thăng Long, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Tel: (84 4) 793 1428 / Fax: (84 4) 793 1429

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư, Thương mại và Dịch vụ - TKV (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2008 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung:

Công ty Cổ phần Đầu tư, Thương mại và Dịch vụ - TKV là Công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 150/2004/QĐ-BCN ngày 01 tháng 12 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ công nghiệp về việc chuyển Công ty Đầu tư, Thương mại và Dịch vụ thành Công ty Cổ phần Đầu tư, Thương mại và Dịch vụ, được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0203001258 ngày 28/01/2005. Ngày 14/11/2005 Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103009929 thay thế cho giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203001258 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 28/01/2005 chuẩn y cho việc Công ty chuyển trụ sở từ thành phố Hải Phòng về thành phố Hà Nội. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về vốn đầu tư, vốn pháp định cũng như chủng loại, sản lượng sản xuất sản phẩm của Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội lần lượt chuẩn y tại các Giấy chứng nhận kinh doanh thay đổi lần 1 ngày 25 tháng 01 năm 2007, thay đổi lần 2 ngày 20 tháng 9 năm 2007 và thay đổi lần 3 ngày 07 tháng 01 năm 2009.

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc:

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Thành viên Hội đồng Quản trị:

Họ và tên:

- Ông Nguyễn Văn Biên
- Ông Nguyễn Đức Thái
- Ông Nguyễn Đức Độ

Chức vụ:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Thành viên
- Thành viên

Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên:

- Ông Nguyễn Đức Trắc
- Bà Phạm Thị Tư
- Ông Tô Hữu Trung

Chức vụ:

- Trưởng ban Kiểm soát
- Ủy viên
- Ủy viên

Thành viên Ban Giám đốc và Kế toán trưởng:

Họ và tên:

- Ông Nguyễn Đức Thái
- Ông Thiệu Quang Thảo
- Ông Nguyễn Gia Thọ
- Ông Đỗ Khắc Lập

Chức vụ:

- Giám đốc
- Phó Giám đốc
- Phó Giám đốc
- Kế toán trưởng

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

3. Trụ sở:

Công ty có văn phòng chính tại số 01 Phan Đình Giót, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội. Ngoài ra Công ty còn có các đơn vị trực thuộc sau:

- Xí nghiệp Thương mại và Xây dựng Hà Nội có trụ sở tại số 93 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội.
- Xí nghiệp Vật tư và Vận tải có trụ sở tại số 4 Cù Lan Chính, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng.
- Xí nghiệp Thi công Cơ giới và dịch vụ có trụ sở tại số 55A Lê Thánh Tông, Phường Hồng Gai, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.
- Ban quản lý và Phát triển các dự án có trụ sở tại số 1 Quang Trung, Phường Vạn Thành, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà.
- Xí nghiệp Chế biến, Kinh doanh Than – Khoáng sản có trụ sở tại số 1/9 Giang Văn Minh, khu phố 4, Phường An Phú, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh.

4. Hoạt động chính:

Trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2008, hoạt động chính của Công ty là Khai thác, chế biến kinh doanh than và khoáng sản các loại, dịch vụ bốc xúc đất đá, than; Kinh doanh vận tải đường thủy, đường bộ, cầu cảng, cho thuê bến bãi, kho, sản xuất kinh doanh lắp ráp, tiêu thụ, bảo hành xe tải hạng nặng và xe chuyên dùng các loại, các sản phẩm cơ khí; Sửa chữa cải tạo phương tiện thủy bộ, các loại xà lan 250 đến 500 tấn, tàu đẩy 150 – 200 CV; Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng và bất động sản; Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp, xuất nhập khẩu uỷ thác các loại vật tư, thiết bị, phương tiện, nguyên vật liệu, sắt thép, xăng dầu hàng tiêu dùng và Kinh doanh vật tư thiết bị....

5. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh:

Chi tiết tình hình tài chính tại ngày 31/12/2008 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

Trong đó, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2008 như sau:

	Đơn vị: VND
- Doanh thu thuần	2.283.062.835.691
- Lãi sau thuế	7.933.554.202

6. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ:

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

7. Công ty kiểm toán:

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2008 của Công ty.

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa, phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2009

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đức Thái

Số: 37/2009/BCKT-AASCN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2008
của Công ty Cổ phần Đầu tư, Thương mại và Dịch vụ - TKV

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư, Thương mại và Dịch vụ - TKV**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Công ty Cổ phần Đầu tư, Thương mại và Dịch vụ - TKV bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 7 đến trang 31 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư, Thương mại và Dịch vụ - TKV. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Kế toán (AFC) tại Hà Nội với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc Báo cáo tài chính không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Cuộc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính, đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư, Thương mại và Dịch vụ - TKV cũng như cách trình bày tổng quát Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng cuộc kiểm toán của chúng tôi đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Hạn chế phạm vi kiểm toán

- Trong năm tài chính 2008, Công ty đã sử dụng tiền huy động ngắn hạn của các tổ chức để cho Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính – Itasco vay ngắn hạn với tổng số tiền là 48.000.000.000 VND. Việc Công ty sử dụng vốn vay ngắn hạn của các tổ chức khác để thực hiện cho vay Tín dụng là không phù hợp qui định và không thực hiện đúng các cam kết Tín dụng về sử dụng tiền khi đi vay. Đồng thời tổng số tiền cho vay đã đến hạn vào ngày 15/12/2008 là 25.000.000.000 VND và đã được hai bên thực hiện gia hạn kéo dài thời gian thanh toán sang năm 2009.
- Đến thời điểm 31/12/2008, Công ty đã thực hiện đầu tư góp vốn vào một số tổ chức khác với số tiền 42.390.000.000 VND, cụ thể:

- Công ty TNHH Xây dựng và Phát triển Thái An số tiền:	22.400.000.000 VND
- Công ty Cổ phần phát triển đô thị Vĩnh Thái số tiền:	17.910.000.000 VND
- Công ty Cổ phần Bất động sản An Thịnh số tiền:	2.080.000.000 VND

Tuy nhiên đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này chúng tôi chưa thu thập được Báo cáo tài chính năm 2008 của các tổ chức nêu trên. Vì vậy chúng tôi không thể ước tính và lượng hoá được các ảnh hưởng (nếu có) của các khoản đầu tư nêu trên đến Báo tài chính năm 2008.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các hạn chế nêu trên, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư, Thương mại và Dịch vụ - TKV tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2009

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

Giám đốc



Bùi Ngọc Vương

Chứng chỉ KTV số: 0941/KTV

Kiểm toán viên

Bùi Ngọc Hà

Chứng chỉ KTV số: 0662/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ - TKV

Địa chỉ: Số 01 - Phan Đình Giót - Quận Thanh Xuân - Thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị: VND

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	01/01/2008
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.021.076.170.018	705.242.133.937
I.	Tiền và tương đương tiền	110		56.982.549.933	47.207.744.579
1.	Tiền	111	V.1	56.982.549.933	47.207.744.579
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	48.000.000.000	-
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		48.000.000.000	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		541.013.644.325	369.367.673.101
1.	Phải thu của khách hàng	131		466.727.572.820	279.777.768.235
2.	Trả trước người bán	132		65.880.261.908	69.827.498.428
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.3	27.677.635.268	22.438.089.945
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(19.271.825.671)	(2.675.683.507)
IV.	Hàng tồn kho	140		357.071.836.418	266.319.583.690
1.	Hàng tồn kho	141	V.4	358.697.869.607	266.319.583.690
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.626.033.189)	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		18.008.139.342	22.347.132.567
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		463.301.658	5.187.272.567
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152		9.591.959.961	9.737.159.065
3.	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.5	776.477.430	773.390.258
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158		7.176.400.293	6.649.310.677
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		141.272.059.072	172.669.872.033
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II	Tài sản cố định	220		75.941.411.417	89.207.139.233
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	44.379.207.785	74.615.160.873
	- Nguyên giá	222		115.181.550.024	143.578.422.367
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(70.802.342.239)	(68.963.261.494)
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.10	1.215.309.847	1.215.309.847
	- Nguyên giá	228		1.215.309.847	1.215.309.847
	- Giá trị khấu hao lũy kế (*)	229		-	-
4.	Chi phí XDCB dở dang	230	V.11	30.346.893.785	13.376.668.513
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.13	64.943.614.855	83.350.000.000
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		23.900.300.000	54.940.000.000
3.	Đầu tư dài hạn khác	258		41.290.000.000	28.410.000.000
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)	259		(246.685.145)	-
V.	Tài sản dài hạn khác	260		387.032.800	112.732.800
3.	Tài sản dài hạn khác	268		387.032.800	112.732.800
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.162.348.229.090	877.912.005.970

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ - TKV

Địa chỉ: Số 01 - Phan Đình Giót - Quận Thanh Xuân - Thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	01/01/2008
A.	NỢ PHẢI TRẢ	300		1.078.146.313.156	797.647.645.538
I.	Nợ ngắn hạn	310		1.054.936.865.786	753.610.678.412
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	166.897.703.534	156.417.001.971
2.	Phải trả người bán	312		765.364.904.734	456.946.991.568
3.	Người mua trả tiền trước	313		57.712.499.778	36.354.327.511
4.	Thuê và khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	4.326.647.711	2.990.773.307
5.	Phải trả người lao động	315		14.634.704.400	17.452.211.597
6.	Chi phí phải trả	316	V.17	24.624.179.213	25.460.094.435
7.	Phải trả nội bộ	317		1.215.981.321	19.825.551.492
9.	Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	19.916.990.883	37.806.782.510
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		243.254.212	356.944.021
II.	Nợ dài hạn	330		23.209.447.370	44.036.967.126
3.	Phải trả dài hạn khác	333		1.415.516.394	3.733.982.500
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.20	21.483.449.696	39.991.698.685
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		310.481.280	311.285.941
B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		84.201.915.934	80.264.360.432
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.22	81.085.351.303	76.674.198.461
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		20.000.000.000	20.000.000.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		2.000.000.000	2.000.000.000
4.	Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		52.135.655.419	49.291.096.168
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		5.000.000.000	5.000.000.000
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		583.102.293	383.102.293
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.366.593.591	-
II.	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		3.116.564.631	3.590.161.971
1.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		3.116.564.631	3.590.161.971
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.162.348.229.090	877.912.005.970

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ - TKV

Địa chỉ: Số 01 - Phan Đình Giót - Quận Thanh Xuân - Thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/12/2008	01/01/2008
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công (VND)		67.934.306.392	11.126.469.833
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)		564.180.191	564.180.191
5. Ngoại tệ các loại			
+ USD		20.154,03	4.410.05
+ EUR		346,68	26.19
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Lập ngày 31 tháng 3 năm 2008

NGƯỜI LẬP**Nguyễn Trung Hiếu****KẾ TOÁN TRƯỞNG****Đỗ Khắc Lập****GIÁM ĐỐC****Nguyễn Đức Thái**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ - TKV

Địa chỉ: Số 01 - Phan Đình Giót - Quận Thanh Xuân - Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2008	Năm 2007
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	2.283.073.997.120	1.915.311.101.829
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	03	VI.26	11.161.429	854.414.086
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.27	2.283.062.835.691	1.914.456.687.743
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.28	2.046.371.638.116	1.744.543.147.603
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		236.691.197.575	169.913.540.140
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	18.203.972.094	9.646.557.622
7.	Chi phí tài chính	22	VI.30	57.795.031.567	21.808.140.872
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		25.253.276.649	18.500.138.883
8.	Chi phí bán hàng	24		113.331.819.210	102.126.132.378
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		60.121.748.265	55.837.974.887
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		23.646.570.627	(212.150.375)
11.	Thu nhập khác	31		27.571.966.385	57.524.574.456
12.	Chi phí khác	32		41.690.029.005	6.500.307.347
13.	Lợi nhuận khác	40		(14.118.062.620)	51.024.267.109
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.528.508.007	50.812.116.734
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	1.594.953.805	7.121.559.742
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7.933.554.202	43.690.556.992
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		3.967	21.845

Lập ngày 31 tháng 3 năm 2008

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Trung Hiếu



Đỗ Khắc Lập




Nguyễn Đức Thái

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ - TKV

Địa chỉ: Số 01 - Phan Đình Giót - Quận Thanh Xuân - Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị: VND

	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	Năm 2008	Năm 2007
I -	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		2.386.737.782.929	2.985.591.156.541
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(2.367.192.392.692)	(2.173.963.605.066)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(67.895.012.895)	(57.032.063.718)
4.	Tiền chi trả lãi vay	04		(20.709.552.288)	(12.133.120.990)
5.	Tiền chi nộp Thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(956.187.357)	(7.804.433.589)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		592.764.276.122	469.897.898.003
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(447.656.874.916)	(705.068.451.545)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		75.092.038.903	499.487.379.636
II -	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(7.177.726.994)	(1.055.154.315)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		10.767.843.156	146.051.636
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(48.000.000.000)	(9.780.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(14.380.000.000)	(32.540.000.000)
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		4.500.000.000	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(54.289.883.838)	(43.229.102.679)
III -	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		486.081.217.206	124.223.009.639
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(494.108.764.632)	(568.201.003.857)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.000.000.000)	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(11.027.547.426)	(443.977.994.218)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		9.774.607.639	12.280.282.739
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	47.207.744.579	34.927.235.188
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		197.715	226.652
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	56.982.549.933	47.207.744.579

Lập ngày 31 tháng 3 năm 2008

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Trung Hiếu



Đỗ Khắc Lập



Nguyễn Đức Thái

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư, Thương mại và Dịch vụ - TKV là Công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 150/2004/QĐ-BCN ngày 01 tháng 12 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ công nghiệp về việc chuyển Công ty Đầu tư, Thương mại và Dịch vụ thành Công ty Cổ phần Đầu tư, Thương mại và Dịch vụ, được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0203001258 ngày 28/01/2005. Ngày 14/11/2005 Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103009929 thay thế cho giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203001258 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 28/01/2005 chuẩn y cho việc Công ty chuyển trụ sở từ thành phố Hải Phòng về thành phố Hà Nội. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về vốn đầu tư, vốn pháp định cũng như chủng loại, sản lượng sản xuất sản phẩm của Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội lần lượt chuẩn y tại các Giấy chứng nhận kinh doanh thay đổi lần 1 ngày 25 tháng 01 năm 2007, thay đổi lần 2 ngày 20 tháng 9 năm 2007 và thay đổi lần 3 ngày 07 tháng 01 năm 2009.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt của Công ty theo giấy phép kinh doanh bao gồm:

Khai thác, tận thu, chế biến, kinh doanh than và khoáng sản các loại;

- Dịch vụ bốc xúc, san lấp, vận chuyển than và đất đá;
- Sản xuất, lắp ráp, tiêu thụ, bảo hành xe tải nặng và xe chuyên dùng các loại;
- Sản xuất phụ tùng ô tô và các sản phẩm cơ khí;
- Xây dựng công trình giao thông, công nghiệp và dân dụng;
- Đóng mới, cải tạo, phương tiện thủy, bộ các loại: sà lan các loại 250-500 tấn, tàu đẩy 150-200 CV (không bao gồm thiết kế phương tiện vận tải);
- Đầu tư, kinh doanh cơ sở hạ tầng và bất động sản;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu trực tiếp, xuất nhập khẩu uỷ thác các loại vật tư, thiết bị, phương tiện, nguyên vật liệu, sắt thép, xăng dầu, hàng tiêu dùng ;
- Kinh doanh vận tải đường thủy, đường bộ, cầu cảng, bến bãi;
- Tư vấn, khảo sát, lập dự toán và tổng dự toán các công trình xây dựng, các công trình hạ tầng kỹ thuật (chỉ được thiết kế trong phạm vi các thiết kế đã có trong ĐKKD);
- Thiết kế quy hoạch tổng thể mặt bằng, kiến trúc, nội ngoại thất: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Thiết kế kết cấu: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Thiết kế quy hoạch tổng thể mặt bằng, thiết kế kiến trúc nội ngoại thất công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, thiết kế kiến trúc hạ tầng các khu đô thị và công nghiệp;
- Đại lý bán hàng cho các hãng nước ngoài phục vụ sản xuất trong và ngoài ngành...
- Xây dựng các dự án nhiệt điện, thủy điện, xi măng, hoá chất;
- Tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại, quảng cáo trưng bày, giới thiệu hàng hoá;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng; Kinh doanh lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế, các dịch vụ du lịch khác (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường).
- Sản xuất, kinh doanh bê tông và các sản phẩm khác từ xi măng, vữa;
- Sản xuất kinh doanh gas;
- Bảo dưỡng và sửa chữa ô tô;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

- Cho thuê phương tiện vận tải thủy, bộ, cho thuê máy móc thiết bị;
- Khai thác lọc nước phục vụ công nghiệp, sinh hoạt;
- Xây dựng, lắp đặt, khai thác các công trình xử lý môi trường;
- Kinh doanh thiết bị về môi trường;

Công ty có trụ sở tại Số 1, Phan Đình Giót, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội và các đơn vị trực thuộc sau:

- Xí nghiệp Thương mại và Xây dựng Hà Nội có trụ sở tại số 93 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội.
- Xí nghiệp Vật tư và Vận tải có trụ sở tại số 4 Cù Lan Chính, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng.
- Xí nghiệp Thi công Cơ giới và dịch vụ có trụ sở tại số 55A Lê Thánh Tông, Phường Hồng Gai, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.
- Ban quản lý và Phát triển các dự án có trụ sở tại số 1 Quang Trung, Phường Vạn Thành, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
- Xí nghiệp Chế biến, Kinh doanh Than – Khoáng sản có trụ sở tại số 1/9 Giang Văn Minh, khu phố 4, Phường An Phú, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh.

Đến ngày 31/12/2008, tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 612 người, trong đó cán bộ quản lý là 150 người.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN , ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán áp dụng trong Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam ban hành theo Quyết định số 2917/QĐ-HDQT ngày 27 tháng 12 năm 2006 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam và được chấp thuận bởi Bộ Tài chính tại Công văn số 16148/BTC-CDKT ngày 20/12/2006.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Bộ Tài chính Việt Nam ban hành.

Tuân thủ các quyết định và thông tư hướng dẫn các chuẩn mực kế toán Việt Nam nói trên, Ban Giám đốc Công ty đã lựa chọn các chuẩn mực kế toán Việt Nam có thể áp dụng được đối với hoạt động kinh doanh của Công ty để lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chứng từ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho và dự phòng hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc bao gồm giá mua trên hoá đơn và các chi phí liên quan phát sinh nhằm đưa hàng tồn kho vào vị trí sẵn sàng sử dụng. Riêng đối với sản phẩm dở dang của than nguyên khai tồn đọng, là sản phẩm dở dang được tập hợp và bàn giao cho các đơn vị khác trong Tập đoàn trong năm 2009, được Công ty xác định dựa trên việc ước tính các chi phí dự kiến phải chi trả để có được sản phẩm dở dang đó.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|---|--|
| - Nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá | Bình quân gia quyền |
| - Sản phẩm dở dang | Giá trị nguyên vật liệu chính và chi phí nhân công cộng chi phí sản xuất chung theo định mức hoạt động bình thường |

Dự phòng hàng tồn kho được lập cho số lỗ ước tính phát sinh khi giá gốc vượt quá giá trị có thể thực hiện được của hàng tồn kho vào ngày kết thúc năm tài chính. Các khoản tăng, giảm số dư tài khoản dự phòng này được tính vào giá vốn hàng bán trong năm tài chính.

3. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới TSCĐ được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi TSCĐ được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Đối với TSCĐ được nhận bàn giao từ doanh nghiệp Nhà nước, nguyên giá được xác định căn cứ vào kết quả đánh giá tại hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá đã được phê duyệt.

Khấu hao TSCĐ hữu hình và thuê tài chính được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với qui định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Đối với các tài sản có nguyên giá được xác định lại: thời gian sử dụng còn lại được xác định căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính như nêu trên và tỷ lệ còn lại của tài sản sau khi xác định lại.

Thời gian sử dụng ước tính của các tài sản cho mục đích tính toán này như sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Loại tài sản cố định:**Thời gian (năm)**

Máy móc thiết bị	04 – 12
Thiết bị văn phòng	05 – 12
Phương tiện vận tải	05 – 10
Nhà cửa, Vật kiến trúc	06 – 25
Tài sản cố định khác	04 – 06

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được Công ty phản ánh theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh.

Dự phòng đầu tư tài chính được xác lập trên cơ sở đánh giá của Ban Giám đốc về khả năng và mức độ tổn thất khi xảy ra giảm giá đối với từng loại đầu tư.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

Các khoản chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ khi phát sinh nếu không đủ điều kiện được vốn hoá theo quy định.

Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hoá. Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng trong thời gian quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Ngoài ra, việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

Vốn đầu tư ban đầu của Công ty được ghi nhận theo giá trị vốn góp của các bên tham gia góp vốn khi chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước sang công ty cổ phần. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cho đến ngày kết thúc năm tài chính này, cổ đông của Công ty gồm:

Tên cổ đông	Vốn điều lệ (VND)		
	Theo Giấy chứng nhận ĐKKD	Vốn thực góp	Tỷ lệ
Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản VN	11.400.000.000	11.400.000.000	57%
Các cổ đông khác	8.600.000.000	8.600.000.000	43%
Cộng	20.000.000.000	20.000.000.000	100%

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các bên góp vốn sau khi được thông qua bởi Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ tức được chia từ lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ góp vốn của từng cổ đông.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ việc bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng;

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ: được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

Doanh thu hoạt động tài chính là các khoản thu nhập từ lãi tiền gửi ngân hàng, lãi chênh lệch tỷ giá (nếu có) và lãi bán hàng trả chậm.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính:

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư, chi phí lãi tiền vay không được vốn hoá theo quy định, các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm tài chính. Trong đó chi phí lãi tiền vay là gồm lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty được xác định theo số nợ gốc vay, lãi suất vay đã được thoả thuận và thời gian vay thực tế.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN hàng năm 28%.

Công ty được miễn thuế TNDN trong 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 3 năm tiếp theo. Năm tài chính 2008 là năm thứ hai Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

15. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác:

Khoản phải thu:

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng phải thu khó đòi.

Khoản phải thu khách hàng được ghi nhận căn cứ vào giá trị sản phẩm, dịch vụ đã được chuyển giao cho khách hàng và đã được khách hàng chấp nhận thanh toán nhưng chưa thanh toán hoặc chưa thanh toán hết. Hợp đồng kinh tế và số lượng hàng hoá, sản phẩm xuất bán thực tế là cơ sở để Công ty phát hành hoá đơn bán hàng.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc năm tài chính.

Nghĩa vụ thuế như sau:

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Hàng hoá, dịch vụ do Công ty sản xuất và cung cấp chịu các mức thuế suất thuế GTGT như sau:

- Các sản phẩm than, vật tư, phụ tùng ô tô, xe chuyên dụng, ô tô tải: 5%.
- Các loại dịch vụ, hàng hoá khác: 10%.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

Các khoản khác biệt về thuế sau khi Cơ quan thuế kiểm tra và kết luận sẽ được Công ty điều chỉnh sổ kế toán một cách tương ứng.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền:

		Đơn vị: VND	
	31/12/2008	01/01/2008	
- Tiền mặt tại quỹ	(i) 3.323.621.783	15.288.516.224	
- Tiền gửi ngân hàng	(ii) 53.658.928.150	31.919.228.355	
Cộng	56.982.549.933	47.207.744.579	
(i) Số dư tiền mặt tại quỹ vào ngày 31/12/2008 bao gồm:			
	USD	VND	
Ngoại tệ (USD)	-	-	
- Đồng Việt Nam (VND)	-	3.323.621.783	
Cộng	-	3.323.621.783	
(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2008 bao gồm:		VND	
- Tiền gửi ngân hàng bằng USD	20.154,03	# 341.987.329	
- Tiền gửi ngân hàng bằng EUR	346,68	# 8.658.638	
- Tiền gửi ngân hàng bằng VND		53.308.282.183	
Cộng		53.658.928.150	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:

Đơn vị: VND

	31/12/2008	01/01/2008
- Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	-	-
- Đầu tư ngắn hạn khác	48.000.000.000	-
- Cho Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính – ITASCO (FICO) vay	48.000.000.000	-
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	-
Cộng	48.000.000.000	-

3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác:

Đơn vị: VND

	31/12/2008	01/01/2008
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-
- Phải thu người lao động	-	-
- Phải thu khác (i)	27.677.635.268	22.438.089.945
Cộng	27.677.635.268	22.438.089.945

(i): Trong đó bao gồm:

+ Phải thu Công ty CP Đầu tư Tài chính – ITASCO:	1.887.857.777 đồng
+ Phải thu Công ty Cơ khí đóng tàu – TKV:	6.927.516.366 đồng
+ Công ty Cổ phần Vốn Thái Thịnh:	13.873.909.091 đồng
+ Phải thu Công ty CP Đầu tư Việt Mỹ:	700.000.000 đồng
+ Phải thu khác:	4.288.352.034 đồng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

4. Hàng tồn kho:

	<u>31/12/2008</u>	<u>Đơn vị: VND</u> <u>01/01/2008</u>
- Hàng mua đang đi đường	-	11.587.516.000
- Nguyên liệu, vật liệu	356.690.565	16.428.942.643
- Công cụ, dụng cụ	85.314.058	301.350.523
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	9.280.731.128	26.870.462.717
- Thành phẩm	1.523.910.588	7.575.059.485
- Hàng hoá	314.555.315.184	201.167.388.322
- Hàng gửi bán	32.895.908.084	2.388.864.000
Cộng	<u>358.697.869.607</u>	<u>266.319.583.690</u>
- Giá trị tăng thêm dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm (than tồn kho)		(1.626.033.189)
Cộng		<u>(1.626.033.189)</u>

5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước:

	<u>31/12/2008</u>	<u>Đơn vị: VND</u> <u>01/01/2008</u>
- Thuế Giá trị gia tăng	642.853.620	-
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	132.173.810	770.940.258
- Các loại thuế khác	1.450.000	2.450.000
Cộng	<u>776.477.430</u>	<u>773.390.258</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

8. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình:

						Đơn vị: VND	
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ khác	Tổng cộng	
NGUYÊN GIÁ							
Số dư đầu năm	13.403.452.391	26.583.352.905	101.030.670.760	2.011.711.864	549.234.447	143.578.422.367	
- Mua trong năm	2.372.555.739	-	2.140.032.858	45.211.505	-	4.557.800.102	
- Đầu tư XD CB hoàn thành	-	-	-	-	-	-	
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-	
- Thanh lý, nhượng bán	(281.848.497)	(637.504.212)	(28.901.961.368)	(120.370.335)	(549.234.447)	(30.490.918.859)	
- Giảm khác	(2.463.753.586)	-	-	-	-	(2.463.753.586)	
Số dư cuối năm	13.030.406.047	25.945.848.693	74.268.742.250	1.936.553.034	-	115.181.550.024	
GIÁ TRỊ HAO MÒN							
Số dư đầu năm	7.728.501.644	5.877.331.069	52.860.623.658	1.947.570.676	549.234.447	68.963.261.494	
- Khấu hao trong năm	956.743.760	6.332.524.850	15.106.483.892	109.352.693	-	22.505.105.195	
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-	
- Thanh lý, nhượng bán	(281.848.497)	(7.002.443.634)	(11.279.095.296)	(120.370.335)	(549.234.447)	(19.232.992.209)	
- Giảm khác	(1.433.032.241)	-	-	-	-	(1.433.032.241)	
Số dư cuối năm	6.970.364.666	5.207.412.285	56.688.012.254	1.936.553.034	-	70.802.342.239	
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Tại ngày đầu năm	5.674.950.747	20.706.021.836	48.170.047.102	64.141.188	-	74.615.160.873	
Tại ngày cuối năm	6.060.041.381	20.738.436.408	17.580.729.996	-	-	44.379.207.785	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

10. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	TSCĐ khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	1.215.309.847	-	-	-	-	1.215.309.847
- Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
- Tạo ra từ nội bộ DN	-	-	-	-	-	-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	1.215.309.847	-	-	-	-	1.215.309.847
GIÁ TRỊ HAO MÒN						
Số dư đầu năm	-	-	-	-	-	-
- Khấu hao trong năm	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	-	-	-	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	1.215.309.847	-	-	-	-	1.215.309.847
Tại ngày cuối năm	1.215.309.847	-	-	-	-	1.215.309.847

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ - TKV

Địa chỉ: Số 01 - Phan Đình Giót - Quận Thanh Xuân - Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

	<u>31/12/2008</u>	<u>Đơn vị: VND</u> <u>01/01/2008</u>
- Tổng số chi phí XD CB dở dang:	30.346.893.785	13.376.668.513
Trong đó:		
+ Nhà trưng bày, bảo hành, sửa chữa ô tô tại Cẩm Phả, Quảng Ninh	16.698.497.999	-
+ Nhà văn phòng Láng Hạ - Thanh Xuân	13.559.115.786	12.686.848.833
+ Chi phí khác	89.280.000	89.280.000

13. Đầu tư dài hạn khác:

	<u>31/12/2008</u>	<u>Đơn vị: VND</u> <u>01/01/2008</u>
- Góp vốn liên doanh	23.900.300.000	54.940.000.000
+ Công ty TNHH Năng Lượng	1.500.300.000	-
+ Dự án Ưông Bí	-	32.540.000.000
+ Công ty TNHH XD và PT Đô thị Thái An	22.400.000.000	22.400.000.000
- Đầu tư dài hạn khác	41.290.000.000	28.410.000.000
+ Cty CP Bất động sản An Thịnh	2.080.000.000	-
+ Cty CP Bất động sản Hà Tây		1.500.000.000
+ Cty CP Alumin Nhân Cơ	500.000.000	200.000.000
+ Cty CP Phát triển đô thị Vĩnh Thái	17.910.000.000	17.910.000.000
+ TCty CP Bảo hiểm SHB - Vinacomin	7.000.000.000	-
+ Cty CP Xi măng Tân Quang	4.800.000.000	1.800.000.000
+ Cty CP Đầu tư Việt Mỹ - Itasco	5.000.000.000	5.000.000.000
+ Cty CP Vận tải thủy - TKV	4.000.000.000	2.000.000.000
- Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(246.685.145)	-
Cộng	65.190.300.000	83.350.000.000

15. Vay và nợ ngắn hạn:

	<u>31/12/2008</u>	<u>Đơn vị: VND</u> <u>01/01/2008</u>
- Vay ngắn hạn	148.783.292.639	136.807.792.592
- Nợ dài hạn đến hạn trả	18.114.410.895	19.609.209.379
Cộng	166.897.703.534	156.417.001.971

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước:

	<u>31/12/2008</u>	<u>Đơn vị: VND</u> <u>01/01/2008</u>
- Thuế giá trị gia tăng	1.086.402.288	854.742.732
- Thuế xuất, nhập khẩu	319.549.917	332.633.454
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân	2.201.673.381	171.971.557
- Thuế tài nguyên	204.245.150	487.161.265
- Thuế đất và tiền thuê đất	343.304.500	300.000.000
- Các loại thuế khác	-	99.774.124
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	171.472.475	744.490.175
Cộng	<u>4.326.647.711</u>	<u>2.990.773.307</u>

17. Chi phí phải trả:

	<u>31/12/2008</u>	<u>Đơn vị: VND</u> <u>01/01/2008</u>
- Trích trước chi phí lãi vay	1.078.099.808	47.926.984
- Trích trước chi phí điện thoại, điện, nước	-	92.410.072
- Trích trước chi phí bốc xúc than	19.080.383.731	24.482.113.047
- Trích trước chi phí khai thác than chưa nghiệm thu	2.999.972.252	-
- Chi phí phải trả khác	1.465.723.422	837.644.332
Cộng	<u>24.624.179.213</u>	<u>25.460.094.435</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ - TKV

Địa chỉ: Số 01 - Phan Đình Giót - Quận Thanh Xuân - Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác:

	<u>31/12/2008</u>	<u>Đơn vị: VND</u> <u>01/01/2008</u>
- Kinh phí công đoàn	1.414.759.721	1.081.286.258
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	11.051.278	25.011.458
- Phải trả về cổ phần hoá	3.000.000	3.000.000
- Phải trả về hoạt động công tác đảng	419.630.939	333.887.064
- Doanh thu chưa thực hiện	111.272.728	-
- Các khoản phải trả phải nộp khác (i)	<u>17.957.276.217</u>	<u>36.363.597.730</u>
Cộng	<u>19.916.990.883</u>	<u>37.806.782.510</u>

(i): Trong đó bao gồm:

+ Chi phí bảo hành xe lắp ráp phải trả:	4.886.101.266 đồng
+ Phải trả Công ty CP BĐS VK Highland:	1.190.430.909 đồng
+ Phải trả cổ tức năm 2008:	3.200.000.000 đồng
+ Phải trả khác:	8.680.744.042 đồng

20. Vay và nợ dài hạn:

	<u>31/12/2008</u>	<u>Đơn vị: VND</u> <u>01/01/2008</u>
- Vay dài hạn	21.483.449.696	39.991.698.685
+ Vay ngân hàng	7.791.605.348	12.883.513.235
+ Vay đối tượng khác	13.691.884.348	27.108.185.450
+ Trái phiếu phát hành	-	-
- Nợ dài hạn	<u>-</u>	<u>-</u>
Cộng	<u>21.483.449.696</u>	<u>39.991.698.685</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

22. Vốn chủ sở hữu:

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Đơn vị: VND						
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn CSH	LN sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	20.000.000.000	850.463.403	17.829.407.783	920.667.990	-	-	39.600.539.176
- Tăng vốn trong năm trước	-	1.149.536.597	31.461.688.385	4.079.332.010	383.102.293	-	37.073.659.285
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	43.690.556.992	43.690.556.992
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
- Trích lập các quỹ năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	43.690.556.992	43.690.556.992
- Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước/ đầu năm nay	20.000.000.000	2.000.000.000	49.291.096.168	5.000.000.000	383.102.293	-	76.674.198.461
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	7.933.554.202	7.933.554.202
- Tăng khác	-	-	2.844.449.251	-	200.000.000	-	3.044.449.251
- Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
- Trích lập các quỹ năm nay (i)	-	-	-	-	-	(3.366.960.611)	(3.366.960.611)
- Chia cổ tức trong năm nay (i)	-	-	-	-	-	(3.200.000.000)	(3.200.000.000)
- Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-

(i): Tạm chia cổ tức và trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2008 theo Quyết định số 398/QĐ-HDQT ngày 01 tháng 3 năm 2009 của Hội đồng quản trị Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:

	31/12/2008	Đơn vị: VND 01/01/2008
- Vốn góp của Nhà nước	11.400.000.000	11.400.000.000
- Vốn góp đối tượng khác	8.600.000.000	8.600.000.000
Cộng	20.000.000.000	20.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:

	Năm 2008	Đơn vị: VND Năm 2007
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	20.000.000.000	20.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	20.000.000.000	20.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	3.200.000.000	3.000.000.000

d. Cổ phiếu:

	31/12/2008	Đơn vị: VND 01/01/2008
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	-
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.000.000	2.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	2.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.000.000	2.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	2.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND/cổ phiếu

e. Các quỹ của doanh nghiệp:

	31/12/2008	Đơn vị: VND 01/01/2008
- Quỹ đầu tư phát triển	52.135.655.419	49.291.096.168
- Quỹ dự phòng tài chính	5.000.000.000	5.000.000.000
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	583.102.293	383.102.293
Cộng	57.718.757.712	54.674.198.461

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

g. Lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	Đơn vị: VND	
	<u>Năm 2008</u>	<u>Năm 2007</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	7.933.554.202	43.690.556.992
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	7.933.554.202	43.690.556.992
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.000.000	2.000.000
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.967	21.845

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:**

	Đơn vị: VND	
	<u>Năm 2008</u>	<u>Năm 2007</u>
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.283.073.997.120	1.915.311.101.829
- Doanh thu bán hàng	2.036.794.331.245	1.664.425.815.937
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	246.279.665.875	250.603.532.719

26. Các khoản giảm trừ doanh thu:

	Đơn vị: VND	
	<u>Năm 2008</u>	<u>Năm 2007</u>
Tổng các khoản giảm trừ doanh thu	11.161.429	854.414.086
- Chiết khấu thương mại	-	665.714.086
- Giảm giá hàng bán	-	-
- Hàng bán bị trả lại	11.161.429	-
- Thuế xuất khẩu	-	188.700.000

27. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ:

	Đơn vị: VND	
	<u>Năm 2008</u>	<u>Năm 2007</u>
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.283.062.835.691	1.914.456.687.743
- Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm hàng hoá	2.036.783.169.816	1.663.853.155.024
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	246.279.665.875	250.603.532.719

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ - TKV

Địa chỉ: Số 01 - Phan Đình Giót - Quận Thanh Xuân - Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

28. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp:

	Đơn vị: VND	
	<u>Năm 2008</u>	<u>Năm 2007</u>
- Giá vốn hàng hoá đã bán	1.249.521.226.750	920.264.756.809
- Giá vốn thành phẩm đã bán	560.505.000.900	645.535.842.952
- Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	212.461.777.138	178.742.547.842
- Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư	22.257.600.139	-
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.626.033.189	-
Cộng	<u>2.046.371.638.116</u>	<u>1.744.543.147.603</u>

29. Doanh thu hoạt động tài chính:

	Đơn vị: VND	
	<u>Năm 2008</u>	<u>Năm 2007</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.483.697.116	4.501.390.136
- Lãi từ hoạt động chuyển nhượng vốn góp	3.000.000.000	-
- Cổ tức lợi nhuận được chia	835.611.111	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	9.490.526.642	5.008.177.509
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.366.593.591	14.658.668
- Lãi bán hàng trả chậm	622.349.594	-
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	405.194.040	122.331.309
Cộng	<u>15.720.274.978</u>	<u>9.646.557.622</u>

30. Chi phí tài chính:

	Đơn vị: VND	
	<u>Năm 2008</u>	<u>Năm 2007</u>
- Lãi tiền vay	25.253.276.649	18.500.138.883
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	4.710.174.909	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	26.937.483.078	3.240.605.529
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	67.396.460
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	246.685.145	-
- Chi phí tài chính khác	647.411.786	-
Cộng	<u>57.795.031.567</u>	<u>21.808.140.872</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:

	Đơn vị: VND	
	Năm 2008	Năm 2007
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	1.594.953.805	7.121.559.742
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế TNDN của năm nay	-	-
Cộng	1.594.953.805	7.121.559.742
(*) Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế:		
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:	(1)	9.528.508.007
+ Khoản cơ quan thuế truy thu thuế GTGT năm 2006	(2)	230.612.764
+ Các khoản chi phí không hợp lý khác		204.776.863
Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:		25.835.901
+ Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(3)	(1.366.593.591)
Tổng thu nhập chịu thuế: $(=(1)+(2)+(3))$		(1.366.593.591)
Trong đó:		8.392.527.180
Thu nhập chịu thuế của hoạt động chuyển nhượng vốn	(4)	3.000.000.000
Thu nhập chịu thuế của các hoạt động còn lại	(5)	5.392.527.180
Thuế suất thuế TNDN của hoạt động chuyển nhượng vốn	(6)	28%
Thuế suất thuế TNDN của các hoạt động còn lại	(7)	14%
Thuế TNDN của hoạt động chuyển nhượng vốn: $(=(4)*(6))$	(8)	840.000.000
Thuế TNDN của các hoạt động còn lại: $(=(5)*(7))$	(9)	754.953.805
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành $(=(8)+(9))$		1.594.903.805

33. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố:

	Đơn vị: VND	
	Năm 2008	Năm 2007
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	384.719.413.186	383.133.367.036
- Chi phí nhân công	80.211.606.876	80.011.476.141
- Chi phí khấu hao TSCĐ	22.505.105.195	28.761.793.615
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	363.224.340.987	417.825.710.044
- Chi phí khác bằng tiền	54.905.297.378	60.258.758.979
Cộng	905.565.763.630	969.991.105.815

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

- 34. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng:**

Đơn vị: VND

Năm 2008

- a. Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp:* (4.248.920.077)

Năm 2008

- b. Mua và thanh lý Công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác trong kỳ báo cáo:*

- Tổng giá trị mua:	(15.880.300.000)
- Phần giá trị mua được thanh toán bằng tiền:	(14.380.000.000)
- Phần giá trị tài sản và nợ phải trả không phải là tiền và các khoản tương đương tiền trong đơn vị kinh doanh khác được mua trong kỳ:	(1.500.300.000)
+ Góp vốn bằng tài sản vào Công ty TNHH Năng Lượng	(1.500.300.000)
- Tổng giá trị thanh lý:	34.040.000.000
- Phần giá trị thanh lý được thanh toán bằng tiền:	1.500.000.000
- Phần giá trị tài sản và nợ phải trả không phải là tiền và các khoản tương đương tiền trong đơn vị kinh doanh khác được thanh lý trong kỳ:	32.540.000.000
+ Thanh lý vốn góp liên doanh với Công ty Cổ phần Vốn Thái Thịnh (dự án Uông Bí)	32.540.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

5. Thông tin so sánh:

Số liệu được sử dụng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Công ty Cổ phần Đầu tư, Thương mại và Dịch vụ - TKV đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Kế toán (AFC) tại Hà Nội.

6. Tính hoạt động liên tục của Công ty:

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Ngày 31 tháng 3 năm 2009

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Trung Hiếu

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Đỗ Khắc Lập

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đức Thái